

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Thìn;

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, thôn B, xã C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn D, xã E, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị L (sau đây viết tắt là bà L) trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc T (sau đây viết tắt là ông T) tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 08/11/2005. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh bạc, không chăm lo cho gia đình; mặc dù bà nhiều lần khuyên nhủ động viên nhưng ông T không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau nên bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Bà và ông T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 24/6/2006, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu C mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là bà Bùi Thị L; giao cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 24/6/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 01/2004 ngày 08/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh và trình bày của bà L, có đủ cơ sở xác định bà L và ông T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Bà L cho rằng trong quá trình chung sống giữa bà và ông T có xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T thường xuyên đánh bạc, không chăm lo cho gia đình và hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau.

Ông T không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện mà bà L đã trình bày về nguyên nhân, quá trình phát sinh mâu thuẫn cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà bà L đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, ông T không đến Tòa án hòa giải, thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.3] Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 24/6/2006, hiện đang sống với bà L. Nguyên vọng của cháu C là mong

muốn tiếp tục sống với bà L và bản thân bà L có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời buộc ông T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu C mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông T và nhu cầu thiết yếu của cháu C theo quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Bà L và ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Bà Bùi Thị L được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T.
2. Giao cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 24/6/2006 cho bà Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.
Ông Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thị Kim C mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Kim C đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000819 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô